

Số: *122* /APP-CV

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2021

V/v: **Chênh lệch lợi nhuận sau thuế giữa  
BCTC bán niên đã soát xét và BCTC tự lập**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Công ty CP phát triển phụ gia và sản phẩm dầu mỏ ( mã CK : APP ) giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế giữa báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét và báo cáo tài chính giữa niên độ tự lập .

| TT  | Chỉ tiêu                             | BCTC giữa niên độ<br>2021 sau soát xét | BCTC giữa niên<br>độ 2021 tự lập | Chênh lệch    |
|-----|--------------------------------------|--|----------------------------------|---------------|
| 1.  | DT thuần về bán hàng và C.C dịch vụ  | 116.296.893.115                        | 116.296.893.115                  |               |
| 2.  | Giá vốn hàng bán                     | 99.481.154.553                         | 99.481.154.553                   |               |
| 3.  | LN gộp về BH và CC dịch vụ           | 16.815.738.562                         | 16.815.738.562                   |               |
| 4.  | DT hoạt động tài chính               | 59.279.177                             | 59.279.177                       |               |
| 5.  | Chi phí tài chính                    | 1.062.531.671                          | 1.145.376.631                    | -82.844.960   |
| 6.  | Chi phí bán hàng                     | 6.679.084.184                          | 6.463.235.694                    | 215.848.490   |
| 7.  | Chi phí quản lý DN                   | 5.240.271.906                          | 5.240.271.906                    |               |
| 8.  | Thu nhập khác                        | 1.889.864                              | 1.889.864                        | -             |
| 9.  | Chi phí khác                         | 83.784.556                             | 83.784.556                       | -             |
| 10. | Lợi nhuận khác                       | -81.894.692                            | -81.894.692                      | -             |
| 11. | Lợi nhuận kế toán trước thuế<br>TNDN | 3.811.235.286                          | 3.944.238.816                    | - 133.003.530 |
| 12. | Chi phí thuế hiện hành               | 782.761.910                            | 788.847.763                      | -26.600.706   |
| 13. | LN sau thuế TNDN                     | 3.028.473.376                          | 3.155.391.053                    | -106.402.824  |

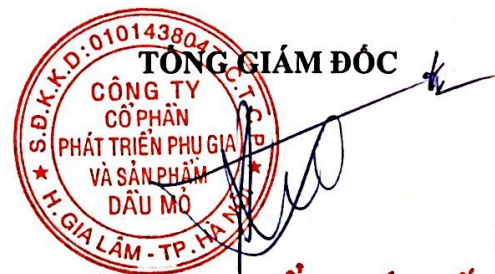
**Giải trình :**

1. Chi phí tài chính giảm là do hoàn nhập dự phòng đầu tư vào Công ty TNHH Bắc Hương.
2. Chi phí BH tăng do hạch toán thêm chi phí thuê vận chuyển.
3. Chi phí thuế hiện hành thay đổi do tính lại thuế TNDN theo quy định.

Từ các lý do nêu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN thay đổi trên BCTC giữa niên độ đã được soát xét.

**Nơi nhận:**

- UBCN Nhà nước;
- Sở GDCK Hà Nội;
- Lưu VT, TCKT



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Hoàng Trung Dũng*